TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRÀ ÔN** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 101/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 09-8-2024
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ ÔN, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thúy An**.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông **Nguyễn Hải Nam**.

2/ Bà **Nguyễn Thị Bé Ngoan**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Ngọc Thơ** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

Ngày 09 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 184/2024/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2024 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 100/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Phan Thành L**, sinh năm 2000. (có mặt)

2. Bị đơn: Chị **Phan Thị Lệ Q**, sinh năm 2000. (có mặt)

Cùng địa chỉ cư trú: ấp V, xã V1, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 02/5/2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Phan Thành L trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Phan Thị Lệ Q thành hôn vào năm 2022 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 31/10/2022 tại Ủy ban nhân dân xã V1, huyện T, tỉnh Vĩnh Long. Thời gian chung sống được 01 năm 07 tháng, lúc đầu có hạnh phúc, thời gian gần đây khoảng đầu năm 2024 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cự cãi, bất đồng quan điểm sống, sống không hợp nhau do chị Q ghen tuông, nghi kỵ anh có người phụ nữ khác. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 5/2024 đến nay. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, anh xin được ly hôn với chị Q.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Gia P, sinh ngày 15/9/2022 hiện đang sống chung với gia đình. Khi ly hôn anh đồng ý giao con cho chị Q được tiếp tục nuôi dưỡng, anh cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.500.000đ.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 22/7/2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Phan Thị Lệ Q trình bày: Về quan hệ hôn nhân chị thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn về thời gian thành hôn, đăng ký kết hôn. Chị xác định quá trình chung sống vợ chồng lúc đầu có hạnh phúc, thời gian gần đây phát sinh mâu thuẫn do anh L còn qua lại với người phụ nữ khác và do ở xa nhau nên vợ chồng xảy ra những hiểu lầm. Nay theo yêu cầu xin ly hôn của anh L thì chị không đồng ý, chị mong muốn được hàn gắn đoàn tụ để cùng nuôi con. Về con chung hiện đang sống trực tiếp với chị. Nếu Toà án giải quyết cho ly hôn thì chị đồng ý tiếp tục nuôi con chung, đồng ý mức cấp dưỡng của anh L đưa ra. Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên toà, nguyên đơn anh Nguyễn Phan Thành L trình bày: Anh vẫn giữ yêu cầu xin ly hôn với chị Q do mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không thể tiếp tục được nữa. Con chung giao chị Q được trực tiếp nuôi con chung, anh cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ/tháng. Thời hạn cấp dưỡng tính từ ngày 09/8/2024 đến khi con chung đủ 18 tuổi. Về tài sản chung, nợ chung tự thoả thuận, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn chị Phan Thị Lệ Quyên trình bày: Chị xác định vẫn còn thương chồng, mong muốn được đoàn tụ để nuôi dạy con chung. Nhưng nếu anh L cương quyết xin ly hôn thì chị đồng ý theo yêu cầu của anh L. Về con chung nếu Toà án giải quyết cho ly hôn thì chị đồng ý trực tiếp nuôi con chung, đồng ý mức cấp dưỡng của anh L đưa ra là 2.000.000đ/tháng. Về tài sản chung, nợ chung tự thoả thuận, không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Về thẩm quyền, quan hệ tranh chấp: Căn cứ đơn khởi kiện của anh Nguyễn Phan Thành L yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long giải quyết ly hôn và nuôi con chung với chị Phan Thị Lệ Q cư trú tại ấp V, xã V1, huyện T, tỉnh Vĩnh Long. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án có quan hệ tranh chấp là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân:

Anh Nguyễn Phan Thành L và chị Phan Thị Lệ Q thành hôn có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã V1, huyện T, tỉnh Vĩnh Long cấp giấy chứng nhận kết hôn số 89 vào ngày 31/10/2022 nên xem quan hệ hôn nhân giữa anh L và chị Q là hợp pháp.

Xét trong quá trình chung sống vợ chồng giữa anh L và chị Q thời gian đầu sống rất hạnh phúc, sau phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cự cãi do chị Q ghen tuông nghi kỵ anh L có quan hệ với người phụ nữ khác và vợ chồng đã ly thân từ tháng 5/2024 đến nay không hàn gắn lại được. Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, Toà án đã tiến hành hoà giải giúp đở đoàn tụ nhưng anh L xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh L cương quyết xin ly hôn với chị Q. Tại phiên toà chị Q cũng đồng ý ly hôn với anh L nếu anh L đã cương quyết xin ly hôn. Như vậy cho thấy tình cảm giữa anh L và chị Q không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên xét yêu cầu ly hôn của anh L là có cơ sở phù hợp Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Xét thấy con chung tên Nguyễn Gia P, sinh ngày 15/9/2022 hiện đang sống trực tiếp với chị Q, cuộc sống của cháu cũng đảm bảo và tại phiên toà giữa anh L và chị Q thống nhất nếu Toà án giải quyết cho ly hôn thì con chung giao cho chị Q trực tiếp nuôi dưỡng, anh L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ *(Hai triệu đồng)*/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Nên Hội đồng xét xử xét giao con chung cho chị Q trực tiếp nuôi dưỡng. Anh L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ *(Hai triệu năm trăm ngàn đồng)*/tháng. Thời hạn cấp dưỡng tính từ ngày 09/8/2024 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở là phù hợp các Điều 58, 81, 82, 83, 107, 110, 116 và Điều 117 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Anh Nguyễn Phan Thành L và chị Phan Thị Lệ Q tự thoả thuận, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Phan Thành L phải nộp 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* án phí ly hôn và 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và tại Điều 6, điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 107, 110, 116 và Điều 117 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 6, điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn anh Nguyễn Phan Thành L. Xử cho anh L ly hôn với chị Phan Thị Lệ Q.

2. Về con chung:

Giao con chung tên Nguyễn Gia P, sinh ngày 15/9/2022 cho chị Phan Thị Lệ Q trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Phan Thành L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 2.000.000đ *(Hai triệu đồng)*. Thời hạn cấp dưỡng tính từ ngày 09/8/2024 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về tài sản chung, nợ chung:

Anh Nguyễn Phan Thành L và chị Phan Thị Lệ Q không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc anh Nguyễn Phan Thành L có nghĩa vụ nộp 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* án phí ly hôn và 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* án phí cấp dưỡng nuôi con. Tổng cộng buộc anh L có nghĩa vụ nộp 600.000đ *(Sáu trăm ngàn đồng)*. Khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* anh L đã nộp theo biên lai thu số 0011303 ngày 02 tháng 5 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Ôn. Còn 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* buộc anh L có nghĩa vụ nộp tiếp.

5. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận**:*
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Trà Ôn;
- THADS huyện Trà Ôn;
- UBND xã V1, huyện T, tỉnh Vĩnh Long
(Giấy chứng nhận kết hôn số 89 ngày 31/10/2022);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thị Thúy An